

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THÉP QCS -QUANG CÁI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THÉP QCS -QUANG CÁI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QCS -QUANG CAI STEEL TRADING AND MANUFACTURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107711662

**3. Ngày thành lập:** 20/01/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tiểu khu Phú Mỹ, Thị trấn Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0433792888 - 0433855888 - Fax:

0463267006 - 0948761986 -

0978435644 - 0942098868

Email: quangcaisteel@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý                                          | 2420        |
| 2.  | Đúc sắt, thép                                                                  | 2431        |
| 3.  | Đúc kim loại màu                                                               | 2432        |
| 4.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                 | 2511        |
| 5.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                     | 2512        |
| 6.  | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                       | 2513        |
| 7.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                               | 2591        |
| 8.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                   | 2592(Chính) |
| 9.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                    | 2599        |
| 10. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 2710        |
| 11. | Sản xuất pin và ắc quy                                                         | 2720        |
| 12. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                            | 2731        |
| 13. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                   | 2819        |
| 14. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                         | 2821        |
| 15. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                  | 2822        |
| 16. | Sản xuất máy luyện kim                                                         | 2823        |
| 17. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                          | 2824        |
| 18. | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                           | 2825        |
| 19. | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da                                          | 2826        |

|     |                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                 | 2829 |
| 21. | Sản xuất xe có động cơ                                                                        | 2910 |
| 22. | Sản xuất thân xe có động cơ, rô moóc và bán rô moóc                                           | 2920 |
| 23. | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe                          | 2930 |
| 24. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                    | 3312 |
| 25. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                        | 3313 |
| 26. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                        | 3314 |
| 27. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)     | 3315 |
| 28. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                        | 3319 |
| 29. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                       | 3320 |
| 30. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                   | 2593 |
| 31. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                      | 2410 |
| 32. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                        | 2732 |
| 33. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                       | 2733 |
| 34. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                             | 2740 |
| 35. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                     | 2750 |
| 36. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                   | 2790 |
| 37. | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)                        | 2811 |
| 38. | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                | 2812 |
| 39. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                    | 2813 |
| 40. | Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                  | 2814 |
| 41. | Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung                                                        | 2815 |
| 42. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                     | 2816 |
| 43. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) | 2817 |
| 44. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                         | 2818 |
| 45. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                        | 3311 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ QUANG VINH   | Tiểu khu Phú Mỹ, Thị Trấn Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | 1.000.000.000         | 66,670    | 001086015575                                                                                                                                      |         |
| 2   | TRINH THANH NGA | Tiểu khu Phú Mỹ, Thị Trấn Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | 500.000.000           | 33,330    | 001187011171                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ QUANG VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/06/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001086015575

Ngày cấp: 09/11/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tiểu khu Phú Mỹ, Thị Trấn Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tiểu khu Phú Mỹ, Thị Trấn Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội